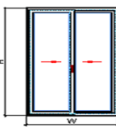
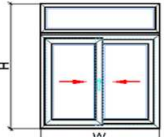
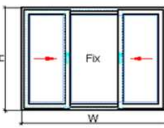
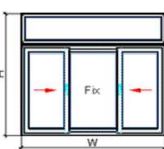
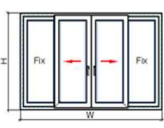
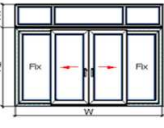
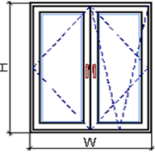
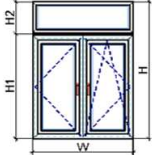
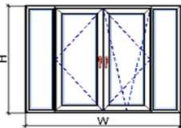
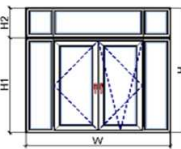
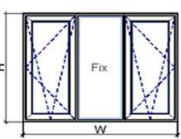
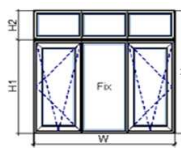
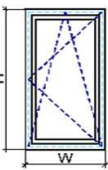


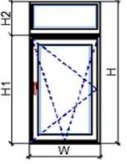
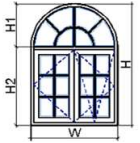
## BẢO GIÁ SẢN PHẨM CỬA NHỰA NAVIWINDOW® SỬ DỤNG THANH NHỰA HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI SỐ: N06/2012/BGVN

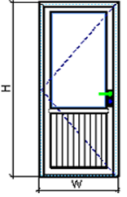
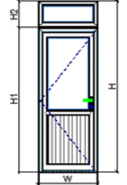
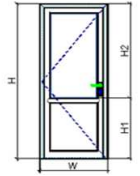
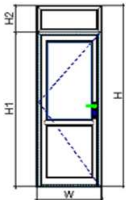
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhất Việt trân trọng cảm ơn Quý khách đã quan tâm và sử dụng sản phẩm **NAVIWINDOW®** - cửa di, cửa sổ, vách ngăn sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại và đồng bộ CHLB Đức, phù hợp tiêu chuẩn TCVN 7451-2004. Công ty chúng tôi trân trọng gửi tới Quý khách Bảng Bảo giá như sau:

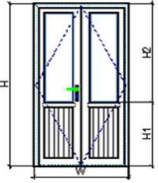
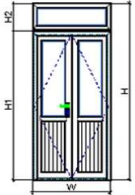
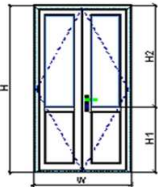
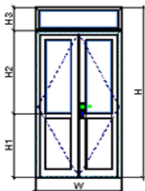
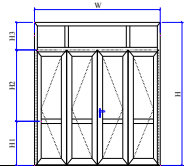
### HỆ CỬA SỔ

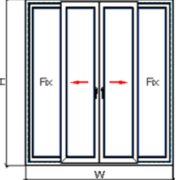
| STT | LOẠI SẢN PHẨM                                                      | KÍCH THƯỚC (mm) |         | M <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ EURO/SHIDE PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ QUEEN PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | HÌNH VẼ MINH HỌA                                                                      |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                    | Rộng (W)        | Cao (H) |                |                                                        |                                                   |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁCH MỞ TRƯỢT                                             | 1000            | 1000    | 1              | 1,385,000                                              | 1,689,000                                         |    |
| 2   |                                                                    | 1200            | 1200    | 1.44           | 1,350,000                                              | 1,650,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                    | 1400            | 1400    | 1.96           | 1,339,000                                              | 1,580,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                    | 1600            | 1600    | 2.56           | 1,323,000                                              | 1,454,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁCH MỞ TRƯỢT CÓ VÁCH KÍNH CỐ ĐỊNH                        | 1000            | 1500    | 1.5            | 1,354,000                                              | 1,690,000                                         |   |
| 2   |                                                                    | 1200            | 1700    | 2.04           | 1,318,000                                              | 1,620,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                    | 1400            | 1900    | 2.66           | 1,288,000                                              | 1,465,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                    | 1600            | 2100    | 3.36           | 1,251,000                                              | 1,355,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁCH BÊN MỞ TRƯỢT, CÁCH GIỮA CỐ ĐỊNH                      | 1800            | 1000    | 1.8            | 1,380,000                                              | 1,600,000                                         |  |
| 2   |                                                                    | 2000            | 1200    | 2.4            | 1,375,000                                              | 1,555,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                    | 2200            | 1400    | 3.08           | 1,360,000                                              | 1,465,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                    | 2400            | 1600    | 3.84           | 1,310,000                                              | 1,355,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁCH BÊN MỞ TRƯỢT, CÁCH GIỮA CỐ ĐỊNH Ở TRÊN CÓ VÁCH KÍNH  | 1800            | 1500    | 2.7            | 1,410,000                                              | 1,597,000                                         |  |
| 2   |                                                                    | 2000            | 1700    | 3.4            | 1,385,000                                              | 1,490,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                    | 2200            | 1900    | 4.18           | 1,375,000                                              | 1,420,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                    | 2400            | 2100    | 5.04           | 1,355,000                                              | 1,385,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ HAI CÁCH GIỮA MỞ TRƯỢT, 2 CÁCH BÊN CỐ ĐỊNH                  | 2000            | 1000    | 2              | 1,415,000                                              | 1,585,000                                         |  |
| 2   |                                                                    | 2200            | 1200    | 2.64           | 1,395,000                                              | 1,500,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                    | 2400            | 1400    | 3.36           | 1,340,000                                              | 1,480,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                    | 2600            | 1600    | 4.16           | 1,300,000                                              | 1,420,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁCH GIỮA MỞ TRƯỢT CÓ VÁCH KÍNH C. ĐỊNH Ở TRÊN VÀ HAI BÊN | 2000            | 1500    | 3              | 1,410,000                                              | 1,550,000                                         |  |
| 2   |                                                                    | 2200            | 1700    | 3.74           | 1,373,000                                              | 1,490,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                    | 2400            | 1900    | 4.56           | 1,318,000                                              | 1,420,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                    | 2600            | 2100    | 5.46           | 1,308,000                                              | 1,320,000                                         |                                                                                       |

| STT | LOẠI SẢN PHẨM                                                                               | KÍCH THƯỚC (mm) |         | M <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ EURO/SHIDE PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ QUEEN PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | HÌNH VẼ MINH HỌA                                                                      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                             | Rộng (W)        | Cao (H) |                |                                                        |                                                   |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT                                   | 1000            | 1000    | 1              | 1,630,000                                              | 1,895,000                                         |    |
| 2   |                                                                                             | 1200            | 1200    | 1.44           | 1,570,000                                              | 1,838,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                             | 1400            | 1400    | 1.96           | 1,477,300                                              | 1,750,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                             | 1600            | 1600    | 2.56           | 1,461,850                                              | 1,685,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT CÓ VÁCH KÍNH                      | 1000            | 1500    | 1.5            | 1,605,000                                              | 1,813,000                                         |    |
| 2   |                                                                                             | 1200            | 1700    | 2.04           | 1,545,000                                              | 1,713,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                             | 1400            | 1900    | 2.66           | 1,452,300                                              | 1,660,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                             | 1600            | 2100    | 3.36           | 1,436,850                                              | 1,560,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT, HAI BÊN CÓ VKCĐ                  | 2000            | 1000    | 2              | 1,595,000                                              | 1,770,000                                         |    |
| 2   |                                                                                             | 2200            | 1200    | 2.64           | 1,550,000                                              | 1,669,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                             | 2400            | 1400    | 3.36           | 1,485,000                                              | 1,595,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                             | 2600            | 1600    | 4.16           | 1,425,000                                              | 1,520,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT CÓ VÁCH KÍNH CD Ở TRÊN VÀ HAI BÊN | 2000            | 1500    | 3              | 1,580,000                                              | 1,727,000                                         |   |
| 2   |                                                                                             | 2200            | 1700    | 3.74           | 1,545,000                                              | 1,620,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                             | 2400            | 1900    | 4.56           | 1,485,000                                              | 1,560,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                             | 2600            | 2100    | 5.46           | 1,405,000                                              | 1,515,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ CÓ 2 CÁNH BÊN MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT CÓ VKCĐ Ở GIỮA             | 1500            | 1000    | 1.5            | 1,625,000                                              | 1,705,000                                         |  |
| 2   |                                                                                             | 1800            | 1200    | 2.16           | 1,545,000                                              | 1,655,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                             | 2100            | 1400    | 2.94           | 1,452,000                                              | 1,575,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                             | 2400            | 1600    | 3.84           | 1,430,000                                              | 1,505,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ CÓ CÁNH BÊN QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT, VKCĐ Ở TRÊN VÀ GIỮA            | 1500            | 1500    | 2.25           | 1,613,000                                              | 1,728,000                                         |  |
| 2   |                                                                                             | 1800            | 1700    | 3.06           | 1,533,000                                              | 1,698,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                             | 2100            | 1900    | 3.99           | 1,440,000                                              | 1,598,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                             | 2400            | 2100    | 5.04           | 1,415,000                                              | 1,499,000                                         |                                                                                       |
| 1   | CỬA SỔ 1 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT                                   | 500             | 1000    | 0.5            | 1,645,000                                              | 2,013,000                                         |  |
| 2   |                                                                                             | 600             | 1200    | 0.72           | 1,598,000                                              | 1,860,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                             | 700             | 1400    | 0.98           | 1,482,000                                              | 1,745,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                             | 800             | 1600    | 1.28           | 1,405,000                                              | 1,668,000                                         |                                                                                       |

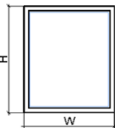
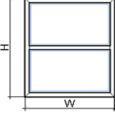
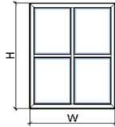
| STT | LOẠI SẢN PHẨM                                                                   | KÍCH THƯỚC (mm) |         | M <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ EURO/SHIDE PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ QUEEN PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | HÌNH VẼ MINH HỌA                                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                 | Rộng (W)        | Cao (H) |                |                                                        |                                                   |                                                                                     |
| 1   | CỬA SỔ 1 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC RA NGOÀI HOẶC MỞ HẤT, CÓ VÁCH KÍNH CỐ ĐỊNH | 500             | 1500    | 0.75           | 1,633,000                                              | 1,960,000                                         |  |
| 2   |                                                                                 | 600             | 1700    | 1.02           | 1,586,000                                              | 1,833,000                                         |                                                                                     |
| 3   |                                                                                 | 700             | 1900    | 1.33           | 1,475,000                                              | 1,723,000                                         |                                                                                     |
| 4   |                                                                                 | 800             | 2100    | 1.68           | 1,410,000                                              | 1,585,000                                         |                                                                                     |
| 1   | CỬA SỔ 2 CÁNH MỞ QUAY VÀO TRONG HOẶC MỞ LẬT, CÓ VÒNG CUỐN VÀ NẠP TRANG TRÍ      | 1000            | 1500    | 1.5            | -                                                      | -                                                 |  |
| 2   |                                                                                 | 1200            | 1700    | 2.04           | -                                                      | -                                                 |                                                                                     |
| 3   |                                                                                 | 1400            | 1900    | 2.66           | -                                                      | -                                                 |                                                                                     |
|     |                                                                                 |                 |         |                | -                                                      | -                                                 |                                                                                     |

| HỆ CỬA ĐI |                                                                              |                 |         |                |                                                        |                                                   |                                                                                       |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| STT       | LOẠI SẢN PHẨM                                                                | KÍCH THƯỚC (mm) |         | M <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ EURO/SHIDE PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ QUEEN PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | HÌNH VẼ MINH HỌA                                                                      |
|           |                                                                              | Rộng (W)        | Cao (H) |                |                                                        |                                                   |                                                                                       |
| 1         | CỬA ĐI 1 CÁNH MỞ QUAY TRÊN KÍNH DƯỚI PANO BẢNG TẮM uPVC                      | 700             | 1800    | 1.26           | 1,650,000                                              | 2,025,000                                         |    |
| 2         |                                                                              | 700             | 2000    | 1.4            | 1,565,000                                              | 1,987,000                                         |                                                                                       |
| 3         |                                                                              | 700             | 2200    | 1.54           | 1,485,000                                              | 1,930,000                                         |                                                                                       |
| 4         |                                                                              | 700             | 2400    | 1.68           | 1,440,000                                              | 1,860,000                                         |                                                                                       |
| 5         |                                                                              | 900             | 1800    | 1.62           | 1,425,000                                              | 1,843,000                                         |                                                                                       |
| 6         |                                                                              | 900             | 2000    | 1.8            | 1,400,000                                              | 1,789,000                                         |                                                                                       |
| 7         |                                                                              | 900             | 2200    | 1.98           | 1,390,000                                              | 1,750,000                                         |                                                                                       |
| 8         |                                                                              | 900             | 2400    | 2.16           | 1,375,000                                              | 1,723,000                                         |                                                                                       |
| 1         | CỬA ĐI 1 CÁNH MỞ QUAY TRÊN KÍNH DƯỚI PANO BẢNG TẮM uPVC CÓ VÁCH KÍNH CỐ ĐỊNH | 700             | 2300    | 1.61           | 1,630,000                                              | 1,998,000                                         |  |
| 2         |                                                                              | 700             | 2500    | 1.75           | 1,585,000                                              | 1,959,000                                         |                                                                                       |
| 3         |                                                                              | 700             | 2700    | 1.89           | 1,550,000                                              | 1,892,000                                         |                                                                                       |
| 4         |                                                                              | 700             | 2900    | 2.03           | 1,495,000                                              | 1,849,000                                         |                                                                                       |
| 5         |                                                                              | 900             | 2300    | 2.07           | 1,450,000                                              | 1,816,000                                         |                                                                                       |
| 6         |                                                                              | 900             | 2500    | 2.25           | 1,435,000                                              | 1,756,000                                         |                                                                                       |
| 7         |                                                                              | 900             | 2700    | 2.43           | 1,395,000                                              | 1,723,000                                         |                                                                                       |
| 8         |                                                                              | 900             | 2900    | 2.61           | 1,375,000                                              | 1,695,000                                         |                                                                                       |
| 1         | CỬA ĐI MỘT CÁNH MỞ QUAY DÙNG KÍNH TOÀN BỘ                                    | 700             | 2300    | 1.61           | 1,555,000                                              | 1,953,000                                         |  |
| 2         |                                                                              | 700             | 2500    | 1.75           | 1,545,000                                              | 1,898,000                                         |                                                                                       |
| 3         |                                                                              | 700             | 2700    | 1.89           | 1,508,000                                              | 1,865,000                                         |                                                                                       |
| 4         |                                                                              | 700             | 2900    | 2.03           | 1,442,000                                              | 1,823,000                                         |                                                                                       |
| 5         |                                                                              | 900             | 2300    | 2.07           | 1,402,950                                              | 1,805,000                                         |                                                                                       |
| 6         |                                                                              | 900             | 2500    | 2.25           | 1,369,900                                              | 1,767,000                                         |                                                                                       |
| 7         |                                                                              | 900             | 2700    | 2.43           | 1,354,450                                              | 1,726,000                                         |                                                                                       |
| 8         |                                                                              | 900             | 2900    | 2.61           | 1,339,000                                              | 1,705,000                                         |                                                                                       |
| 1         | CỬA ĐI MỘT CÁNH MỞ QUAY DÙNG KÍNH TOÀN BỘ CÓ VÁCH KÍNH CỐ ĐỊNH               | 700             | 2300    | 1.61           | 1,525,000                                              | 1,898,000                                         |  |
| 2         |                                                                              | 700             | 2500    | 1.75           | 1,515,000                                              | 1,860,000                                         |                                                                                       |
| 3         |                                                                              | 700             | 2700    | 1.89           | 1,478,000                                              | 1,822,000                                         |                                                                                       |
| 4         |                                                                              | 700             | 2900    | 2.03           | 1,412,000                                              | 1,800,000                                         |                                                                                       |
| 5         |                                                                              | 900             | 2300    | 2.07           | 1,387,950                                              | 1,767,000                                         |                                                                                       |
| 6         |                                                                              | 900             | 2500    | 2.25           | 1,354,900                                              | 1,712,000                                         |                                                                                       |
| 7         |                                                                              | 900             | 2700    | 2.43           | 1,344,450                                              | 1,668,000                                         |                                                                                       |
| 8         |                                                                              | 900             | 2900    | 2.61           | 1,329,000                                              | 1,613,000                                         |                                                                                       |

| STT | LOẠI SẢN PHẨM                                                                  | KÍCH THƯỚC (mm) |           | M <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ EURO/SHIDE PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ QUEEN PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | HÌNH VẼ MINH HỌA                                                                      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                | Rộng (W)        | Cao ( H)  |                |                                                        |                                                   |                                                                                       |
| 1   | <b>CỬA ĐI 2 CÁCH MỞ QUAY TRÊN KÍNH DƯỚI PANO BẰNG TẮM uPVC</b>                 | 1400            | 1800      | 2.52           | 1,645,000                                              | 2,025,000                                         |    |
| 2   |                                                                                | 1400            | 2000      | 2.8            | 1,555,000                                              | 1,970,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                | 1400            | 2200      | 3.08           | 1,450,000                                              | 1,922,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                | 1400            | 2400      | 3.36           | 1,426,000                                              | 1,866,000                                         |                                                                                       |
| 5   |                                                                                | 1800            | 1800      | 3.24           | 1,405,000                                              | 1,843,000                                         |                                                                                       |
| 6   |                                                                                | 1800            | 2000      | 3.6            | 1,380,000                                              | 1,789,000                                         |                                                                                       |
| 7   |                                                                                | 1800            | 2200      | 3.96           | 1,360,000                                              | 1,723,000                                         |                                                                                       |
| 8   |                                                                                | 1800            | 2400      | 4.32           | 1,340,000                                              | 1,668,000                                         |                                                                                       |
| 1   | <b>CỬA ĐI 2 CÁCH MỞ QUAY TRÊN KÍNH DƯỚI PANO BẰNG TẮM uPVC CÓ VÁCH KÍNH CỐ</b> | 1400            | 2300      | 3.22           | 1,655,000                                              | 1,926,000                                         |    |
| 2   |                                                                                | 1400            | 2500      | 3.5            | 1,635,000                                              | 1,893,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                | 1400            | 2700      | 3.78           | 1,545,000                                              | 1,871,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                | 1400            | 2900      | 4.06           | 1,500,000                                              | 1,828,000                                         |                                                                                       |
| 5   |                                                                                | 1800            | 2300      | 4.14           | 1,450,000                                              | 1,750,000                                         |                                                                                       |
| 6   |                                                                                | 1800            | 2500      | 4.5            | 1,395,000                                              | 1,716,000                                         |                                                                                       |
| 7   |                                                                                | 1800            | 2700      | 4.86           | 1,370,000                                              | 1,663,000                                         |                                                                                       |
| 8   |                                                                                | 1800            | 2900      | 5.22           | 1,350,000                                              | 1,640,000                                         |                                                                                       |
| 1   | <b>CỬA ĐI 2 CÁCH MỞ QUAY DỪNG KÍNH TOÀN BỘ</b>                                 | 1400            | 1800      | 2.52           | 1,510,000                                              | 1,991,000                                         |   |
| 2   |                                                                                | 1400            | 2000      | 2.8            | 1,495,000                                              | 1,920,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                | 1400            | 2200      | 3.08           | 1,442,000                                              | 1,888,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                | 1400            | 2400      | 3.36           | 1,405,000                                              | 1,852,000                                         |                                                                                       |
| 5   |                                                                                | 1800            | 1800      | 3.24           | 1,380,000                                              | 1,757,000                                         |                                                                                       |
| 6   |                                                                                | 1800            | 2000      | 3.6            | 1,355,000                                              | 1,703,000                                         |                                                                                       |
| 7   |                                                                                | 1800            | 2200      | 3.96           | 1,339,000                                              | 1,659,000                                         |                                                                                       |
| 8   |                                                                                | 1800            | 2400      | 4.32           | 1,330,000                                              | 1,621,000                                         |                                                                                       |
| 1   | <b>CỬA ĐI 2 CÁCH MỞ QUAY DỪNG KÍNH TOÀN BỘ CÓ VÁCH KÍNH CỐ ĐỊNH</b>            | 1400            | 2300      | 3.22           | 1,498,000                                              | 1,920,000                                         |  |
| 2   |                                                                                | 1400            | 2500      | 3.5            | 1,483,000                                              | 1,882,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                | 1400            | 2700      | 3.78           | 1,430,000                                              | 1,809,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                | 1400            | 2900      | 4.06           | 1,403,000                                              | 1,728,000                                         |                                                                                       |
| 5   |                                                                                | 1800            | 2300      | 4.14           | 1,368,000                                              | 1,605,000                                         |                                                                                       |
| 6   |                                                                                | 1800            | 2500      | 4.5            | 1,343,000                                              | 1,564,000                                         |                                                                                       |
| 7   |                                                                                | 1800            | 2700      | 4.86           | 1,327,000                                              | 1,548,000                                         |                                                                                       |
| 8   |                                                                                | 1800            | 2900      | 5.22           | 1,318,000                                              | 1,525,000                                         |                                                                                       |
| 1   | <b>CỬA ĐI 4 CÁCH MỞ QUAY DỪNG KÍNH TOÀN BỘ CÓ VKCĐ</b>                         | 2200-3200       | 2200-2900 |                | 1,800,000                                              | 2,020,000                                         |  |
| 1   | <b>CỬA ĐI 2 CÁCH MỞ TRƯỢT</b>                                                  | 1400            | 1800      | 2.52           | 1,598,000                                              | 1,617,000                                         |  |
| 2   |                                                                                | 1400            | 2000      | 2.8            | 1,522,000                                              | 1,552,000                                         |                                                                                       |
| 3   |                                                                                | 1400            | 2200      | 3.08           | 1,475,000                                              | 1,527,000                                         |                                                                                       |
| 4   |                                                                                | 1400            | 2400      | 3.36           | 1,433,000                                              | 1,463,000                                         |                                                                                       |
| 5   |                                                                                | 1800            | 1800      | 3.24           | 1,400,000                                              | 1,427,000                                         |                                                                                       |
| 6   |                                                                                | 1800            | 2000      | 3.6            | 1,365,000                                              | 1,383,000                                         |                                                                                       |
| 7   |                                                                                | 1800            | 2200      | 3.96           | 1,300,000                                              | 1,337,000                                         |                                                                                       |
| 8   |                                                                                | 1800            | 2400      | 4.32           | 1,250,000                                              | 1,283,000                                         |                                                                                       |

| STT | LOẠI SẢN PHẨM                             | KÍCH THƯỚC (mm) |         | M <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ EURO/SHIDE PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ QUEEN PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | HÌNH VẼ MINH HỌA                                                                    |
|-----|-------------------------------------------|-----------------|---------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                           | Rộng (W)        | Cao (H) |                |                                                        |                                                   |                                                                                     |
| 1   | CỬA ĐI 2 CÁNH MỞ TRƯỢT 2 CÁNH BỀN CỐ ĐỊNH | 2800            | 1800    | 5.04           | 1,498,000                                              | 1,505,000                                         |  |
| 2   |                                           | 2800            | 2000    | 5.6            | 1,421,000                                              | 1,441,000                                         |                                                                                     |
| 3   |                                           | 2800            | 2200    | 6.16           | 1,385,000                                              | 1,418,000                                         |                                                                                     |
| 4   |                                           | 2800            | 2400    | 6.72           | 1,355,000                                              | 1,385,000                                         |                                                                                     |
| 5   |                                           | 3600            | 1800    | 6.48           | 1,305,000                                              | 1,342,000                                         |                                                                                     |
| 6   |                                           | 3600            | 2000    | 7.2            | 1,285,000                                              | 1,299,000                                         |                                                                                     |
| 7   |                                           | 3600            | 2200    | 7.92           | 1,250,000                                              | 1,276,000                                         |                                                                                     |
| 8   |                                           | 3600            | 2400    | 8.64           | 1,205,000                                              | 1,235,000                                         |                                                                                     |

#### HỆ VÁCH KÍNH

| STT | LOẠI SẢN PHẨM                         | KÍCH THƯỚC (mm) |         | M <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ EURO/SHIDE PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | ĐƠN GIÁ QUEEN PROFILE Kính đơn VND/m <sup>2</sup> | HÌNH VẼ MINH HỌA                                                                     |
|-----|---------------------------------------|-----------------|---------|----------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                       | Rộng (W)        | Cao (H) |                |                                                        |                                                   |                                                                                      |
| 1   | VÁCH KÍNH                             | 500             | 1000    | 0.5            | 1,015,000                                              | 1,296,000                                         |   |
| 2   |                                       | 1000            | 1000    | 1              | 950,000                                                | 1,026,400                                         |                                                                                      |
| 3   |                                       | 1000            | 2000    | 2              | 900,000                                                | 980,000                                           |                                                                                      |
| 4   |                                       | 2000            | 2000    | 4              | 795,000                                                | 850,000                                           |                                                                                      |
| 1   | VÁCH KÍNH CƠ MỘT ĐÓ NGANG             | 500             | 1000    | 0.5            | 1,200,000                                              | 1,613,000                                         |   |
| 2   |                                       | 1000            | 1000    | 1              | 1,025,000                                              | 1,432,000                                         |                                                                                      |
| 3   |                                       | 1000            | 2000    | 2              | 937,000                                                | 1,015,000                                         |                                                                                      |
| 4   |                                       | 2000            | 2000    | 4              | 848,000                                                | 922,000                                           |                                                                                      |
| 1   | VÁCH KÍNH CƠ MỘT ĐÓ ĐỌC VÀ 1 ĐÓ NGANG | 500             | 1000    | 0.5            | 1,459,000                                              | 1,850,000                                         |  |
| 2   |                                       | 1000            | 1000    | 1              | 1,350,000                                              | 1,650,000                                         |                                                                                      |
| 3   |                                       | 1000            | 2000    | 2              | 1,175,000                                              | 1,340,000                                         |                                                                                      |
| 4   |                                       | 2000            | 2000    | 4              | 985,000                                                | 1,129,000                                         |                                                                                      |

#### PHU TRỢ KÍNH

| STT | Loại kính                                         | Đơn giá /m <sup>2</sup> |
|-----|---------------------------------------------------|-------------------------|
| 1   | Kính an toàn 6.38mm ( VFG )                       | 320,000                 |
| 2   | Kính an toàn 8.38mm ( VFG )                       | 380,000                 |
| 3   | Kính an toàn 10.38mm ( VFG )                      | 420,000                 |
| 4   | Kính hộp chân không ( 5x9x5 ) & ( 5x6x5 ) ( VFG ) | 620,000                 |
| 5   | Kính cường lực 5mm                                | 190,000                 |
| 6   | Kính cường lực 6mm                                | 245,000                 |
| 7   | Kính cường lực 8mm                                | 320,000                 |
| 8   | Kính cường lực 10mm                               | 420,000                 |

#### GHI CHÚ

Đơn giá kính trên sẽ thay đổi theo đơn giá của thị trường

| <u>BẢO GIÁ PHỤ KIỆN KIM KHÍ</u> |                                                     |                       |              |            |                           |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|--------------|------------|---------------------------|
| STT                             | DIỄN GIẢI                                           | Kích thước cửa ( mm ) |              | ĐƠN GIÁ    |                           |
|                                 |                                                     | Chiều rộng(W)         | Chiều cao(H) | GU ( ĐỨC ) | GQ Liên doanh ( Đức_ TQ ) |
| 1                               | Cửa sổ mở trượt 2 cánh có bán nguyệt                | 1000-1600             | 1000-1600    | -          | 150,000                   |
| 2                               | Cửa sổ mở trượt 4 cánh có bán nguyệt                | 2000-3200             | 1000-1600    | -          | 320,000                   |
| 3                               | Cửa sổ 2 cánh mở trượt có thanh chuyển động đa điểm | 1000-1800             | 1000-1600    | 720,000    | 330,000                   |

|    |                                                                 |           |           |           |           |
|----|-----------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 4  | Cửa sổ mở trượt 4 cánh có thanh chuyển động                     | 2000-2600 | 1000-1600 | 1,080,000 | 420,000   |
| 5  | Cửa sổ 2 cánh mở quay dùng (M8020)                              | 1200-1600 | 1000-1400 | 1,986,000 | 575,500   |
| 6  | Cửa sổ 1 cánh MQ vào trong hoặc ra ngoài dùng thanh chuyển động | 500-1200  | 1000-1600 | 1,225,500 | 330,500   |
| 7  | Cửa sổ 1 cánh hất ra ngoài dùng thanh chuyển động               | 500-1000  | 1000-1400 | 1,125,500 | 380,000   |
| 8  | Cửa sổ 1 cánh hất ra ngoài dùng tay nắm mở gài                  | 500-1001  | 1000-1401 |           | 330,000   |
| 9  | Cửa đi chính, 1 cánh mở quay                                    | 800-1100  | 1900-2300 | 3,160,000 | 1,094,500 |
| 10 | Cửa đi thông phòng, cửa Toilet 1 cánh mở quay                   | 800-1100  | 1900-2300 | 2,550,900 | 900,000   |
| 11 | Cửa đi chính, 2 cánh mở quay                                    | 1200-1800 | 1900-2300 | 4,868,000 | 1,726,600 |
| 12 | Cửa đi chính, 2 cánh mở trượt                                   | 1000-1800 | 2000-2400 | 2,845,000 | 684,000   |
| 13 | Cửa đi 4 cánh mở trượt                                          | 2000-3600 | 2000-2400 | 3,473,000 | 850,000   |
| 14 | Cửa đi 4 cánh quay liền                                         | 2800-3600 | 2000-2400 |           | 7,500,000 |

#### GHI CHÚ

1. Giá tiền 1 bộ cửa = chiều cao ( H ) x chiều rộng ( W ) x đơn giá + phụ kiện kim khí + phụ trội ( nếu có )
2. Phần lõi thép gia cường bên trong có chiều dày 1,2mm-2,0mm tùy theo loại thanh profile cũng như kết cấu cửa
3. Phụ kiện kim khí ( PKKK) bao gồm bản lề, thanh chuyển động, khóa, đệm chốt, các ray bánh xe.
4. PKKK của GU nhập khẩu từ Đức, bảo hành 3 năm
5. PKKK của GO hàng liên doanh Đức - Trung Quốc, bảo hành 1 năm
6. Kính đơn trong đơn giá này là kính trắng dày 5mm
7. Giá trên chưa bao gồm thuế VAT(10%). Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và áp dụng trên toàn quốc.
8. Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
9. Đây là báo giá sơ bộ, báo giá chính thức sẽ do bộ phận tính giá căn cứ vào bản vẽ thực tế của công trình và tình hình diễn biến tiền tệ thị trường vào thời điểm ký kết hợp đồng để báo giá lại, đó là báo giá cuối cùng
10. Báo giá này được áp dụng từ ngày **20/06/2012** đến khi có báo giá mới.

#### **QUÝ KHÁCH VUI LÒNG LIÊN HỆ:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHẤT VIỆT - NAVICOM®**

Địa chỉ : 78 Phạm Đăng Giang , P. Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TP.HCM

Nhà máy: 23-31 đường số 1, P. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP.HCM

Tel: 08. 37651423 Fax: 08.37658316 Hotline : 0977.70.73.78

Website: [www.naviwindow.vn](http://www.naviwindow.vn) | [www.navidoor.vn](http://www.navidoor.vn)

Email: [info@naviwindow.vn](mailto:info@naviwindow.vn) | [info@navidoor.vn](mailto:info@navidoor.vn)

**TM CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN CHÍ THANH**